| Trường: TH Thực hành Nguyễn Tất Thành | Thứ Hai ngày 16 tháng 12 năm 2024 |
| --- | --- |
| Lớp: 1A2 | Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt |
| Giáo viên: Cao Thị Ngọc Trâm | **Bài 76: ươn - ươt (Tiết 1 + 2)** |

**I. MỤC TIÊU**

*Sau khi học xong bài này, HS đạt được những yêu cầu sau:*

***1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:***

- Đọc: Nhận biết các vần **ươn, ươt;** đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có vần **ươn, ươt**. Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc ***Lướt ván****.*

- Nghe – nói: Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ươn, ươt.**

- Viết: Viết đúng trên bảng con các vần: **ươn, ươt,** các tiếng **lươn,** từ **lướt ván** trên bảng con.

***2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:***

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

***1. Giáo viên:***

- Máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài tập.

- Vở Bài tập Tiếng Việt, mẫu vần **ươn, ươt, lươn, lướt ván**.

***2. Học sinh:***

- Sách Tiếng Việt, Bảng con, phấn, khăn lau bảng.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

**TIẾT 1**

| **Thời gian** | **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của HS** | **Đồ dùng** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *5 phút* | 1. Mở đầu | - Giới thiệu bài: Hôm nay, các em sẽ học hai vần là vần **ươn, ươt** .  + GV ghi bảng **ươn** và phát âm: **ươn**.  + GV ghi bảng **ươt** và phát âm: **ươt**. | - HS theo dõi.  - HS nhắc lại. |  |
| *20 phút* | 2. Chia sẻ và khám phá | **a. Dạy vần ươn**  - GV chỉ và đọc: **ươn**  + Phân tích: Vần **ươn** gồm những âm nào?  + GV giới thiệu mô hình vần **ươn.**   | **ươn** | | | --- | --- | | **ươ** | **n** |   + GV đánh vần: **ươ – nờ - ươn / ươn.**  - GV giới thiệu hình ảnh, hỏi: Đây là gì?  - Phân tích: Tiếng **lưon** gồm những âm, vần nào?  - GV chỉ lại từng mô hình cho HS đọc đánh vần và đọc trơn. | - HS nhắc lại.  - HSTL: Vần **ăn** gồm âm **ă** đứng trước, âm **n** đứng sau.    - 1 HS đọc: **ươ – nờ - ươn.** Cả lớp: **ươn.**  - HS quan sát.  - HS: **lươn.**  - HSTL: Tiếng **lươn** gồm âm **l** đứng trước, vần **ươn** đứng sau.  - HS đánh vần (cá nhân, tổ, cả lớp): **ươ – nờ - ươn / ươn**.  - HS đọc. | SGK, PP, bảng gài |
| **b. Dạy vần ươt**  - GV chỉ và đọc: **ươt**  + Phân tích: Vần **ươt** gồm những âm nào?  + GV giới thiệu mô hình **ươt.**   | **ươt** | | | --- | --- | | **ươ** | **t** |   + GV đánh vần: **ươ - tờ - ươt / ươt.**  - GV giới thiệu hình ảnh, hỏi: Đây là gì?   - Trong từ lướt ván, tiếng nào chứa vần **ươt**?  - Phân tích: Tiếng **lướt** gồm những âm, vần nào?    - GV chỉ lại từng mô hình cho HS đọc đánh vần và đọc trơn.  - So sánh vần **ưon** và **ươt**    \* Củng cố: Nhắc lại 2 vần vừa học, tiếng mới. | - HS nhắc lại.  - HSTL: Vần **ươt** gồm âm **ươ** đứng trước, âm **t** đứng sau.      - 1 HS đọc: **ươ - tờ - ươt.** Cả lớp: **ươt.**  - HS quan sát.  - HS: **lướt ván.**  **-** Tiếng **lướt** chứa vần **ươt**.  - HSTL: Tiếng **lướt** gồm âm **l** đứng trước, vần **ươt** đứng sau, dấu sắc trên âm **ơ**.  - HS đánh vần (cá nhân, tổ, cả lớp): **lờ - ươt – lươt – sắc – lướt / lướt ván**.  - HS đọc.  - Giống: **ươn** và **ươt** đều bắt đầu bằng **ươ**.  - Khác: **ươn** có âm **n**, **ươt** có âm **t**.  - HS nhắc: **ươn, ươt.**  - HS ghép 2 vẫn um và up. | SGK, PP, bảng gài |
| *10 phút* | 3. Luyện tập | **Bài tập 2: Giúp thỏ mang cà rốt về hai nhà kho cho đúng.**  *a. Xác định yêu cầu.*  - GV nêu yêu cầu của bài tập.  *b. Nói tên sự vật*  - GV chỉ từng chữ trong củ cà rốt cho HS đọc.  - GV cho HS làm VBT.  - GV quan sát, giúp đỡ HS.  *c. Báo cáo kết quả.*  - GV cho HS lên bảng chơi trò chơi.    - Cho HS cả lớp nhắc lại.  - GV cho HS tìm tiếng có vần **ươn, ươt**. | - HS lắng nghe yêu cầu và mở sách đến trang 136.  - HS đọc: *vượn, trượt, vượt, mượt, vườn.*  - HS làm VBT.  - HS chơi:  + Vần **ươn**: vượn, vườn.  + Vần **ươt**: trượt, vượt, mượt.  - HS nhắc lại: Tiếng **vượt** có vần **ươt**... Tiếng **vượn** có vần **ươn**...  - HS nói có vần **ươn** (bươn, mượn, lượn,...); có vần **ươt** (tướt, lượt, ,...) | SGK, PP, VBT |
| **Bài tập 4: Tập viết**  **a. Đọc: ươn, ươt, lươn, lướt ván**  **b. Hướng dẫn viết.**  - GV hỏi HS:  + Vần **ươn:** viết như nào?  - GV viết mẫu.  + Tiếng **lươn** viết như nào?  - GV viết mẫu: Viết l trước 1 thân viết **ươn** sau.  + Vần **ươt**: viết như nào?  - GV viết mẫu.  + Từ **lướt ván**: viết như nào?  - GV viết mẫu.  - Nhận xét. | - HS đọc.  + Vần **ươn**: viết **ươ** trước, **n** sau.  - HS viết bảng con.  + Viết **l** trước, **ươn** sau.  - HS viết bảng con.  + Vần **ươt**: Viết **ươ** trước **t** sau.  - HS viết bảng con  + Viết **lướt** trước **ván** sau.  - HS viết bảng con. | phấn, bảng con |
| **TIẾT 2** | | | |  |
| *30 phút* | 4. Luyện tập | **Bài tập 3: Tập đọc**  **a. Giới thiệu bài**  - GV chỉ hình, giới thiệu: Lũ chuột trượt ván trên bờ. Cá chuồn, cún lướt ván trên mặt biển. Vượn ôm ván chơi gần bờ. Thỏ sợ nước, ở trên bờ cổ vũ.  **b. Đọc mẫu**  - GV đọc mẫu bài.  **c. Luyện đọc từ ngữ**  - GV viết những từ ngữ sau: **lướt ván, trượt ván, nô đùa ầm ĩ, cá chuồn, hăm hở, lướt như múa lượn, vượn, sợ ướt, cổ vũ, thú vị.**  - GV giải nghĩa: *hăm hở* (hăng hái, nhiệt tình).  - GV cho HS đọc.  **d. Luyện đọc câu**  - GV: Bài có mấy câu?  - Đọc vỡ: GV chỉ chậm từng tiếng trong câu cho HS đọc thầm rồi đọc thành tiếng.  - Đọc tiếp nối từng câu.  - GV sửa lỗi phát âm cho HS.  **e. Thi đọc nối tiếp đoạn**  - Bài chia làm 3 đoạn (3/4/2 câu).  - GV cho HS luyện đọc theo cặp, tổ.  - Thi đọc nối tiếp đoạn theo cặp, tổ.  - Cho HS đọc cả bài.  **g. Tìm hiểu bài đọc**  - GV gắn 5 thẻ chữ lên bảng: nêu YC: Ghép đúng.  - HS làm bài, nối các cụm từ trong VBT.  - Gọi HS báo cáo.  \* Cả lớp đọc lại 2 trang bài 76. | - HS theo dõi.  - HS lắng nghe.  - HS theo dõi.  - HS đọc.  - HSTL: có 9 câu.  - HS đọc (cả lớp đọc thầm - cá nhân - cả lớp đọc thành tiếng)  - HS đọc tiếp nối cá nhân, theo cặp.  - HS theo dõi.  - HS luyện đọc.  - Từng cặp, tổ lên thi đọc đoạn.  - 1 HS đọc cả bài.  - Cả lớp đọc đồng thanh.  - HS lắng nghe.  - Cả lớp đọc từng cụm từ.  - HS làm bài.  - 1 HS báo cáo kết quả.  a) Cún - 3) lướt như múa lượn.  b) Vượn - 2) chưa dám ra xa.  c) Thỏ - 1) sợ ướt, ở trên bờ.  - Cả lớp đọc lại câu ghép đúng.  - HSTL  \* Cả lớp nhìn SGK đọc. | SGK, PP |
| 5 phút | Củng cố | - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà đọc lại bài tập đọc cùng người thân, xem trước bài 77.  - GV khuyến khích HS tập viết chữ trên bảng con. | - Lắng nghe. |  |

**IV.RÚT KINH NGHIỆM SAU TIẾT DẠY**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………................………

| Trường: TH Thực hành Nguyễn Tất Thành | Thứ Ba ngày 17 tháng 12 năm 2024 |
| --- | --- |
| Lớp: 1A2 | Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt |
| Giáo viên: Cao Thị Ngọc Trâm | **Bài 77: ang - ac (Tiết 1 + 2)** |

**I. MỤC TIÊU:**

*Sau khi học xong bài này, HS đạt được những yêu cầu sau:*

***1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:***

- Đọc: Nhận biết các vần **ang, ac;** đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có vần **ang, ac.** Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc **Nàng tiên cá*.***

- Nghe – nói: Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ang, ac.**

- Viết: Viết đúng trên bảng con các vần: **ang, ac,** các tiếng **thang, vạc**.

***2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:***

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

***1. Giáo viên:***

- Máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài tập.

- Vở Bài tập Tiếng Việt, mẫu chữ vần **ang, ac, thang, vạc**.

***2. Học sinh:***

- Sách Tiếng Việt, Bảng con, phấn, khăn lau bảng.

**III.** **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

**TIẾT 1**

| **Thời gian** | **Nội dung** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Đồ dùng** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 3 phút | 1. Mở đầu | -  Giới thiệu bài: Hôm nay, các em sẽ học một vần là vần **ang, ac.**  + GV ghi bảng **ang** và phát âm: **ang**.  + GV ghi bảng **ac** và phát âm: **ac**. | - HS theo dõi.  - HS nhắc lại. |  |
| 22 phút | 2. Chia sẻ và khám phá | **a. Dạy vần ang**  - GV chỉ và đọc: **ang**  + Phân tích: Vần **ang** gồm những âm nào?  + GV giới thiệu mô hình **ang.**   | **ang** | | | --- | --- | | **a** | **ng** |   + GV đánh vần: **a – ngờ - ang/ ang.**  - GV giới thiệu hình ảnh, hỏi: Đây là gì?  - Phân tích: Tiếng **thang** gồm những âm, vần nào?  - GV chỉ lại từng mô hình cho HS đọc đánh vần và đọc trơn.  **b. Dạy vần ac**  - GV chỉ và đọc**: ac**  + Phân tích: Vần **ac** gồm những âm nào?  + GV giới thiệu mô hình **ac**.   | **ac** | | | --- | --- | | **a** | **c** |   + GV đánh vần: **a - cờ - ac / ac.**  - GV giới thiệu hình ảnh, hỏi: Đây là gì?  - Phân tích: Tiếng **vạc** gồm những âm, vần nào?  - GV chỉ lại từng mô hình cho HS đọc đánh vần và đọc trơn.  - So sánh vần ang, ac.  \* Củng cố: Vừa học vần mới và tiếng mới nào? | - HS nhắc lại.  - HSTL: Vần **ang** gồm âm **a** đứng trước, âm **ng** đứng sau.    - HS, CL: **a – ngờ - ang.**  - HS quan sát.  - HS: **thang**  - HSTL: Tiếng **thang** gồm âm **th** đứng trước, vần **ang** đứng sau.  - HS đánh vần (cá nhân, tổ, cả lớp): **thờ - ang – thang/ thang**.  - HS đọc.  - HS tìm và ghép vần ân.  - HS nhắc lại.  - HSTL: Vần **ac** gồm âm **a** đứng trước, âm **c** đứng sau.  - HS, CL: **a - cờ - ac / ac.**  - HS quan sát.  - HS: vật  - HSTL: Tiếng **vạc** gồm âm **v** đứng trước, vần **ac** đứng sau, dấu nặng dưới **a.**  - HS đánh vần (cá nhân, tổ, cả lớp): **vờ - ac – vac – nặng – vạc/ vạc.**  - HS đọc.  - HS tìm và ghép vần **ac**.  - Giống: Vần **ang, ac** đều bắt đầu bằng **a**.  - Khác: Vần **ang** có âm cuối **ng**, vần **ac** có âm cuối **c**.  - Vần **ang, ac** và tiếng **thang, vạc.** | SGK, PP, bảng gài |
| 10 phút | 3. Luyện tập | **Bài tập 2: Mở rộng vốn từ: Tìm tiếng có vần ang, tiếng có vần ac.**  *a. Xác định yêu cầu.*  - GV nêu yêu cầu của bài tập: Tìm tiếng có vần ang, tiếng có vần ac.  *b. Nói tên sự vật*  - GV chỉ từng chữ cho HS đọc.  - GV cho HS làm VBT.  - GV quan sát, giúp đỡ HS.  *c. Báo cáo kết quả.*  - GV cho HS báo cáo kết quả: Nêu tiếng có vần ang, ac.  - Cho HS cả lớp nhắc lại.  - GV cho HS tìm tiếng có vần ang, ac. | - HS lắng nghe yêu cầu và mở sách đến trang 138.  - HS đọc: bác sĩ, cá vàng, con hạc, dưa gang, bản nhạc, chở hang.  - HS làm VBT.  - HS trình bày kết quả:  + Tiếng có vần ang: vàng, gang, hàng  + Tiếng có vần ac: bác, hạc, nhạc..  - GV chỉ từng hình, cả lớp nhắc lại: Tiếng vàng có vần ang. Tiếng bác có vần ac,...  - HS nói có vần ang (chang, bảng, váng,…); có vần ac (đác, xác, thạc,…) | SGK, PP, VBT |
| **Bài tập 4: Tập viết**  **a. Đọc: ang, ac, thang, vạc.**  **b. Hướng dẫn viết.**  - GV hỏi HS:  + Vần **ang**: viết như nào?  - GV viết mẫu  + Tiếng **thang** viết như nào?  - GV viết mẫu.  + Vần **ac**: viết như nào?  - GV viết mẫu.  + Tiếng **vạc**: viết như nào?  - GV viết mẫu. | - HS đọc.  + Vần **ang**: viết **a** trước, **ng** sau.  - HS viết bảng con.  + Viết **th** trước, **ang** sau.  - HS viết bảng con.  + Vần **ac**: viết **a** trước, **c** sau.  - HS viết bảng con.  + Tiếng vạc: viết **v** trước **ac** sau, dấu nặng dưới **a**.  - HS viết bảng con. | phấn, bảng con |
| **TIẾT 2** | | | |  |
| 35 phút | 4. Luyện tập | **Bài tập 3: Tập đọc**  **a. Giới thiệu bài**  - GV chỉ hình ảnh và giới thiệu: nàng tiên cá: nửa thân trên giống 1 cô bé, nửa thân dưới là cá.  **b. Đọc mẫu**  - GV đọc mẫu bài.  **c. Luyện đọc từ ngữ**  - GV viết những từ ngữ sau: nàng tiên cá, nửa thân trên, lướt trên biển, nhẹ nhàng, các thứ, đất liền, ngân nga.  - Giải nghĩa: ngân nga (âm thanh kéo dài, vang xa).  - GV cho HS đọc.  **d. Luyện đọc câu**  - GV: Bài có mấy câu?  - Đọc vỡ: GV chỉ chậm từng tiếng trong câu cho HS đọc thầm rồi đọc thành tiếng.  - Đọc tiếp nối từng câu.  - GV sửa lỗi phát âm cho HS.  **e. Thi đọc nối tiếp đoạn**  - Bài chia làm 2 đoạn (4/4 câu)  - GV cho HS luyện đọc theo cặp, tổ.  - Thi đọc nối tiếp đoạn theo cặp, tổ.  - Cho HS đọc cả bài.  **g. Tìm hiểu bài đọc**  - HS đọc nội dung BT.  - GV: Ghép đúng?  - Bài đọc kể về ai?  \* Cả lớp đọc lại 2 trang bài 77. | - HS theo dõi.  - HS lắng nghe.  - HS theo dõi.  - HS đọc.  - HSTL: có 8 câu.  - HS đọc (CL đọc thầm - CN - cả lớp đọc thành tiếng)  - HS đọc tiếp nối CN, theo cặp.  - HS theo dõi.  - HS luyện đọc.  - Từng cặp, tổ lên thi đọc đoạn.  - 1 HS đọc cả bài.  - Cả lớp đọc đồng thanh.  - HS đọc.  - HS làm bài trong VBT.  - Gọi HS lên bảng nối:  a) Nàng tiên cá - (2) ngân nga hát.  Dân đi biển - (1) nghe hát, quên cả mệt, cả buồn.  - HSTL: Bài đọc kể về nàng tiên cá: hình dáng, tính tình của nàng (nhân hậu, thích ca hát).  \* Cả lớp nhìn SGK đọc. | SGK, PP |
| 5 phút | Củng cố | - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà đọc lại bài tập đọc cùng người thân.  - GV khuyến khích HS tập viết trên bảng con. | - Lắng nghe. |  |

**IV.RÚT KINH NGHIỆM SAU TIẾT DẠY**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

| Trường: TH Thực hành Nguyễn Tất Thành | Thứ Tư ngày 18 tháng 12 năm 2024 |
| --- | --- |
| Lớp: 1A2 | Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt |
| Giáo viên: Cao Thị Ngọc Trâm | **Tập viết BÀI 76, 77: ươn, ươt, ang, ac** |

**I. MỤC TIÊU**

*Sau khi học xong bài này, HS đạt được những yêu cầu sau:*

**1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:**

- Viết đúng **ươn, ươt, ang, ac, con lươn, lướt ván, thang, vạc -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Chữ mẫu. Vở *Luyện viết 1,* tập một.

***2. Học sinh:*** Bảng con, phấn, khăn lau bảng. Vở *Luyện viết 1,* tập một.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| **Thời gian** | **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của HS** | **Đồ dùng** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 10 phút | **1/ Mở đầu** | - GV viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay các em sẽ tập viết các vần **ươn, ươt, ang, ac, con lươn, lướt ván, thang, vạc.** | - HS lắng nghe yêu cầu. |  |
| 10 phútt | **2/ Khám phá** | **a. Đọc** các vần vần **ươn, ươt, ang, ac, con lươn, lướt ván, thang, vạc.**  - GV treo bảng phụ các vần, tiếng.  - GV yêu cầu HS đọc.  **b. Tập viết: ươn, ươt, con lươn, lướt ván.**  - Gọi HS đọc **ươn, ươt, con lươn, lướt ván.**  - Yêu cầu HS nói cách viết **ươn, ươt, con lươn, lướt ván.**  + Vần **ươn**: Gồm mấy con chữ? Có độ cao mấy li?  - GV vừa viết mẫu: viết **ưo** trước, nối liền viết tiếp **n**.  + Từ **con lươn**: Viết thế nào?  - GV viết mẫu vừa viết vừa nói: viết **con** trước **lươn** sau.  + Vần **ươt**: gồm những chữ nào?  - GV vừa viết mẫu và nói: viết **ư**, **ơ** trước, nối liền viết tiếp **t**.  + Từ **lướt ván**: Viết thế nào?  - GV viết mẫu vừa viết vừa nói: viết chữ **lướt** trước **ván** sau.  **c. Tập viết: ang, ac, thang, vạc**  - Gọi HS đọc **ang, ac, thang, vạc**  - Yêu cầu HS nói cách viết tiếng:  + Vần **ang**: Gồm mấy con chữ? Viết như nào?  - GV vừa viết mẫu: viết **a** trước, nối liền viết tiếp **ng**.  + Tiếng **thang**: Viết thế nào?  - GV viết mẫu vừa viết vừa nói: viết **th** trước **ang** sau.  + Vần **ac**: Gồm mấy con chữ?  - GV vừa viết mẫu: viết **a** trước, nối liền viết tiếp **c**.  + Tiếng **vạc**: Viết thế nào?  - GV viết mẫu vừa viết vừa nói: Viết chữ **v** trước vần **ac** sau, dấu nặng dưới trên **a**. | - HS quan sát.  - HS đọc.  - 2 HS đọc.  - HSTL: gồm 3 con chữ, viết con chữ ư, ơ trước con chữ n sau, các con chữ đều cao 2 li.  - HS theo dõi.  - Viết chữ **con** trước **lươn** sau.  - HS theo dõi.  - HSTL: gồm 3 chữ, viết chữ ư, ơ trước chữ t sau.  - HS theo dõi.  + Viết chữ lướt trước ván sau.  - HS theo dõi.  - HS đọc lại.  - HSTL: gồm 3 con chữ, viết con chữ a trước con chữ ng sau.  - HS theo dõi.  - Viết chữ **th** trước **ang** sau.  - HSTL: gồm 2 con chữ, viết con chữ a trước con chữ c sau.  - HS theo dõi.  - Viết chữ v trước vần ac sau, dấu nặng dưới trên a.  - HS theo dõi. | SGK, PP |
| 15 phút | **3/ Luyện tập** | - Cho HS lấy vở Luyện viết 1  - GV nêu nội dung bài viết.  - GV nhắc lại yêu cầu của bài.  - Cho cả lớp nhắc lại tư thế, cách cầm bút đúng, viết đúng.  - Cho HS tập tô, tập viết vào vở  - Nhận xét đánh giá bài viết cho HS.  - Dặn HS về nhà luyện tập thêm. | - HS lấy vở Luyện viết.  - HS nhắc lại.  - HS nhắc lại tư thế ngồi viết.  - Thực hành tô vở tập viết. | Vở luyện viết |
| 2 phút | **4. Củng cố, dặn dò** | - GV nhận xét tiết học, khen học sinh viết đẹp.  - Nhắc nhở HS luyện viết thêm ở nhà. | - HS lắng nghe. |  |

**IV.RÚT KINH NGHIỆM SAU TIẾT DẠY**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………...............………

| Trường: TH Thực hành Nguyễn Tất Thành | Thứ Tư ngày 18 tháng 12 năm 2024 |
| --- | --- |
| Lớp: 1A2 | Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt |
| Giáo viên: Cao Thị Ngọc Trâm | **Bài 78: ăng – ăc (Tiết 1 + 2)** |

**I. MỤC TIÊU**

*Sau khi học xong bài này, HS đạt được những yêu cầu sau:*

**1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:**

*1.1. Năng lực đặc thù:*

- Nhận biết các vần *ăng, ăc;*đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần *ăng, ăc* với mô hình “âm đầu + âm chính + âm cuối”, “âm đầu + âm chính + âm cuối + thanh”.

- Nhìn chữ dưới hình, tìm và đọc đúng tiếng có vần *ăng, ăc.*

- Đọc đúng, hiểu bài tập đọc: *Cá măng lạc mẹ (1)*.

- Viết đúng trên bảng con: *ăng, ăc, tiếng măng, tắc kè.*

*1.2. Năng lực chung:*

- Biết hợp tác với bạn qua hình thức làm việc nhóm đôi.

- Kiên nhẫn, biết quan sát và viết đúng nét chữ, trình bày bài đẹp.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Yêu lao động, quý trọng lao động.

- HS tự giác hoàn thiện nhiệm vụ học tập.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:***

- Tranh.

***2. Học sinh:***

- SGK, Bộ đồ dùng Tiếng Việt.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| **Thời gian** | **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của HS** | **Đồ dùng** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TIẾT 1** | | | |  |
| 5 phút | **1/ Khởi động** | - GV giới thiệu bài: bài hôm nay chúng ta sẽ được học tiếp 2 vần **ăng** và **ăc**.  - GV chỉ tên bài. | - HS nhắc lại tên bài: *ăng, ăc*. |  |
| 10 phút | **2/ Khám phá** | **a. Dạy vần en:**  - GV chỉ tranh hỏi: Tranh vẽ gì?  - GV chỉ tiếng **măng***.*  - GV yêu cầu phân tích vần **ăng***.*  - GV chỉ mô hình vần **ăng**.  - GV yêu cầu phân tích tiếng **măng***.*  - GV chỉ mô hình tiếng **măng.**  **b. Dạy vần ăc:**  - GV chỉ tranh hỏi: Tranh vẽ gì?  - GV: Trong từ **tắc kè,** tiếng nào có vần ăc?  - GV chỉ tiếng **tắc**  - GV yêu cầu phân tích vần **ăc**.  - GV chỉ mô hình vần **ăc**.  - GV yêu cầu phân tích tiếng **tắc**.  - GV chỉ mô hình tiếng **tăc.**  \* So sánh:  - GV yc HS so sánh điểm giống nhau và khác nhau giữa 2 vần **ăng – ăc.**  - GV: Các em vừa học 2 vần mới là vần gì? Tiếng mới là tiếng gì?  - GV chỉ mô hình từng vần, tiếng. | - HS trả lời cá nhân: **măng**  - HS đọc: **măng** (đồng thanh).  - HS phân tích vần **ăng**.  - HS nhìn mô hình đọc.  - HS phân tích tiếng **măng**  - HS nhìn mô hình đọc.  - HS trả lời: **tắc kè**  - HS trả lời: Tiếng **tắc** có vần **ăc**.  - HS đọc: **tắc** (đồng thanh).  - HS phân tích vần **ăc**.  - HS nhìn mô hình đọc.  - HS phân tích tiếng **tắc**  - HS nhìn mô hình đọc.  - HS so sánh.  - HS ghép trên thanh cài **ăng, ăc, tiếng măng, tắc kè.**  - HS nhìn mô hình đánh vần, đọc trơn. | SGK, PP, bảng gài |
| 15 phút | **3/ Luyện tập** | **+ Mở rộng vốn từ** (BT2).  - GV nêu yêu cầu BT2: Tiếng nào có vần ăng? Tiếng nào có vần ăc? - GV y/c HS đọc từ ngữ và quan sát tranh minh họa.  - GV y/c HS nối trong VBT.  - GV y/c HS báo cáo.  - GV nhận xét, chốt đáp án.  - Ngoài những tiếng có vần ăng, ăc có trong SGK, các em hãy tìm những từ có vần ăng, ăc ngoài sách.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **\* Tập viết** (Bảng con – BT4).  - GV hướng dẫn quy trình.  + Vần ăng: viết ă trước, viết ng sau.  + Vần ăc: viết ă trước, viết c sau.  + Măng: Viết âm m trước, vần ăng sau.  + Tắc kè: Viết âm t trước, viết vần ăc sau, dấu sắc đặt trên chữ ă/ Viết âm k trước, viết âm e sau, dấu huyền trên chữ ă.  - GV y/c HS thực hiện.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS nhắc lại yc theo GV.  - HS đọc các từng từ ngữ, quan sát tranh.  - HS thực hiện làm bài tập trong VBT.  - HS báo cáo.  - HS suy nghĩ, trả lời cá nhân.  - HS lắng nghe, ghi nhớ.  - HS quan sát, lắng nghe.  - HS viết chữ vào bảng con.  - HS đổi bảng, chia sẻ. | SGK, PP, VBT |
| **TIẾT 2** | | | |  |
| 20 phút | **3/ Luyện tập** | **+ Tập đọc:** (BT3)  - GV chỉ hình ảnh minh họa bài đọc: Câu chuyện kể về cá măng bị lạc mẹ giữa biển lớn và điều nguy hiểm sắp xảy ra: một con cá mập hung dữ xuất hiện.  - GV chỉ tên bài.  - GV chỉ từng hình, đọc mẫu từng câu: đọc chậm, giọng nhẹ nhàng.  **\* Luyện đọc từ ngữ:**  - GV chỉ bảng cho HS đọc các từ khó.  **\* Luyện đọc từng câu:**  - GV chỉ từng câu cho HS đếm . GV đánh số thứ tự từng câu trong bài trên bảng.  **- Đọc vỡ:**  - GV chỉ từng tiếng trong bài tập đọc cho HS cả lớp đọc thầm.  **- Đọc nối tiếp từng câu:**  - GV yêu cầu HS đọc nối tiếp từng câu.  **- Đọc nối tiếp từng đoạn:**  - GV giúp HS chia đoạn.  - GV cho HS đọc nối tiếp đoạn.  - GV chỉ các câu (TT đảo lộn), kiểm tra 1 số HS đọc. GV nhận xét, chỉnh sửa.  **- Thi đọc cả bài** (theo cặp, tổ):  - GV yêu cầu HS luyện đọc trong nhóm.  - GV yêu cầu các cặp trình bày trước lớp.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **\* Tìm hiểu bài đọc: Ý nào đúng?**  - GV nêu yêu cầu: Ý nào đúng?  - GV chỉ cho HS đọc từng ý trong bài.  - GV HD làm bài.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV yêu cầu HS đọc bài trong SGK. | - HS lắng nghe.  - HS đọc tên bài: Cá măng lạc mẹ.  - HS đọc nhẩm theo GV.  - HS luyện đọc từ khó.  - HS đếm từng câu.  - HS đọc thầm.  - HS nhìn bảng nối tiếp đọc từng câu.  - HS chia đoạn.  - HS nối tiếp đọc từng đoạn.  - HS đọc theo GV chỉ.  - HS luyện đọc theo cặp trước khi thi.  - HS thi đọc (theo cặp, tổ).  - HS nhắc lại yêu cầu.  - HS đọc từng ý của BT.  - HS thảo luận , trình bày.  - HS đọc lại câu hoàn chỉnh.  - HS đọc bài SGK. | SGK, PP |
| 15 phút | **4/ Vận dụng** | - HS thi tìm tiếng có vần ăng, ăc.  - Bài hôm nay các em học được vần gì? Từ gì?  - GV nhắc HS về tiếp tục luyện viết Vần ăng, *ăc* tiếng*, măng, tắc kè* vào bảng con; đọc trước bài mới. | - HS nêu trước lớp.  - HS trả lời: Vần *ăng, ăc*; từ *măng, tắc kè.*  - HS lắng nghe, ghi nhớ. |  |
| **5 phút** | **4. Củng cố** | - Hôm nay, chúng ta được học chữ gì?  - GV nhận xét tiết học.  - Dặn dò: Đọc lại bài Tập đọc và đọc trước bài sau. | - Vần ăng, ăc.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe và nhắc lại. |  |

**IV.RÚT KINH NGHIỆM SAU TIẾT DẠY**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

| Trường: TH Thực hành Nguyễn Tất Thành | Thứ Tư ngày 18 tháng 12 năm 2024  Thứ Năm ngày 19 tháng 12 năm 2024 |
| --- | --- |
| Lớp: 1A2 | Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt |
| Giáo viên: Cao Thị Ngọc Trâm | **Bài 79: âng, âc** |

**I. MỤC TIÊU**

*Sau khi học xong bài này, HS đạt được những yêu cầu sau:*

***1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:***

- Đọc: Nhận biết các vần **âng, âc;** đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có vần **âng, âc.**

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc ***Cá măng lạc mẹ (2).***

- Nghe – nói: Nhìn chữ dưới hình, tìm và đọc đúng tiếng có vần **âng, âc.**

- Viết: Viết đúng trên bảng con các vần: **âng, âc,** từ **nhà tầng, quả gấc**.

***2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:***

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:***

- Máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài tập.

- Vở Bài tập Tiếng Việt, mẫu vần **âng, âc**.

***2. Học sinh:***

- Sách Tiếng Việt, Bảng con, phấn, khăn lau bảng.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| **Thời gian** | **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của HS** | **Đồ dùng** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TIẾT 1** | | | |  |
| 5 phút | **1/ Khởi động** | -  Giới thiệu bài: Hôm nay, các em sẽ học hai vần là vần **âng, âc.**  + GV ghi bảng **âng** và phát âm: **âng**.  + GV ghi bảng **âc** và phát âm: **âc**. | - HS theo dõi.  - HS nhắc lại. |  |
| 10 phút | **2/ Khám phá** | **a. Dạy vần âng**  - GV chỉ và đọc: **âng**  + Phân tích: Vần **âng** gồm những âm nào?  + GV giới thiệu mô hình **âng.**   | **âng** | | | --- | --- | | **â** | **ng** |   + GV đánh vần: **â - ngờ - âng / âng.**  - GV giới thiệu hình ảnh, hỏi: Đây là gì?  - Trong từ **nhà tầng**, tiếng nào chứa vần **âng**?  - Phân tích: Tiếng **tầng** gồm những âm, vần nào?  - GV chỉ lại từng mô hình, từ khóa cho HS đọc đánh vần và đọc trơn. | - HS nhắc lại.  - HS: Vần **âng** gồm âm **â** đứng trước, âm **ng** đứng sau.    - HS, CL: **â - ngờ - âng / âng.**  - HS quan sát.  - HS trả lời: tên lửa.  - Tiếng **tầng** chứa vần **âng**.  - HSTL: Tiếng **tầng** gồm âm **t** đứng trước, vần **âng** đứng sau.  - HS đánh vần (cá nhân, tổ, cả lớp): **tờ - âng – tâng – huyền – tầng / tầng.**  - HS đọc.  - Ghép vần **âng.** | SGK, PP, bảng gài |
| 10 phút | **b. Dạy vần âc**  - GV chỉ và đọc: **âc**  + Phân tích: Vần **âc** gồm những âm nào?  + GV giới thiệu mô hình **âc.**   | **âc** | | | --- | --- | | **â** | **c** |   + GV đánh vần: **â – cờ - âc / âc.**  - Cho HS quan sát tranh, hỏi: Đây là gì?  - GV viết: **quả gấc**  - Trong từ quả gấc, tiếng nào có chứa vần âc?  - Phân tích: Tiếng **gấc** gồm những âm, vần nào?  - GV chỉ lại từng mô hình cho HS đọc đánh vần và đọc trơn.  - So sánh vần âng, âc  \* Củng cố: Vừa học vần mới và tiếng mới nào? | - HS nhắc lại.  - HSTL: Vần **âc** gồm âm **â** đứng trước, âm **c** đứng sau.    - HS, CL: **â - cờ - âc/âc.**  - HS quan sát.  - HS: **quả gấc**  - HS đọc.  - Tiếng **gấc** chứa vần **âc.**  - HSTL: Tiếng **gấc** gồm âm **g** đứng trước, vần **âc** đứng sau, dấu sắc trên **â**.  - HS đánh vần (cá nhân, tổ, cả lớp): **gờ - âc – gâc – sắc – gấc/ quả gấc.**  - HS đọc.  - HS tìm và ghép vần **âc.**  - Giống: Vần **âng, âc** đều bắt đầu bằng **â**.  - Khác: Vần **âng** có âm cuối **ng**, vần **âc** có âm cuối **c.**  - Vần **âng, âc** và **nhà tầng, quả gấc.** | SGK, PP, bảng gài |
| 5 phút | **3/ Luyện tập** | ***Bài tập 2: Mở rộng vốn từ: Tìm tiếng có vần âng, tiếng có vần âc.***  *a. Xác định yêu cầu.*  - GV nêu yêu cầu của bài tập: Tìm tiếng có vần âng, tiếng có vần âc.  *b. Nói tên sự vật*  - GV chỉ từng chữ cho HS đọc.  - GV cho HS làm VBT.  - GV quan sát, giúp đỡ HS.  *c. Báo cáo kết quả.*  - GV cho HS báo cáo kết quả: Nêu tiếng có vần âng, âc.  - Cho HS cả lớp nhắc lại.  - GV cho HS tìm tiếng có vần âng, âc. | - HS lắng nghe yêu cầu và mở sách đến trang 142.  - HS đọc: *bậc thang, vầng trăng, ngẩng lên, nhấc lên.*  - HS làm VBT.  - HS trình bày kết quả:  + Tiếng có vần âng: vầng, ngẩng.  + Tiếng có vần âc: bậc, nhấc.  - GV chỉ từng hình, cả lớp nhắc lại: Tiếng vầng có vần âng. Tiếng bậc có vần âc,...  - HS nói có vần âng (bâng, lâng,…); có vần âc (bấc, tấc, ,…) | SGK, PP, VBT |
| 5 phút |  | ***Bài tập 4: Tập viết***  ***a. Đọc: âng, âc, nhà tầng, quả gấc.***  ***b. Hướng dẫn viết.***  - GV hỏi HS:  + Vần **âng:** viết như nào?  - GV viết mẫu  + Từ **nhà tầng** viết như nào?  - GV viết mẫu.  + Vần **âc**: viết như nào?  - GV viết mẫu.  + Từ **quả gấc**: viết như nào?  - GV viết mẫu. | - HS đọc.  + Vần **âng**: viết **â** trước, **ng** sau.  - HS viết bảng con.  + Viết **nhà** trước, **tầng** sau.  - HS viết bảng con.  + Vần **âc**: viết **â** trước, **c** sau.  - HS viết bảng con.  + Viết **quả** trước **gấc** sau.  - HS viết bảng con. | Vở luyện viết |
| **TIẾT 2** | | | |  |
| 35 phút | **3/ Luyện tập** | ***Bài tập 3: Tập đọc***  ***a. Giới thiệu bài***  - GV chỉ hình ảnh và giới thiệu: Bài Cá măng lạc mẹ (2) giới thiệu cảnh hai mẹ con cá măng vui mừng gặp lại nhau. Làm thế nào mà cá măng nhỏ thoát khỏi cá mập và tìm được đường về với mẹ?  **b. Đọc mẫu**  - GV đọc mẫu bài.  - Đọc xong, mô tả sự thông minh của cá măng nhỏ: Cá mập đã áp sát, sắp đớp được cá măng. Cá măng nhỏ bơi vọt lên trên, bám chặt thân trên cá mập khiến cá mập không nhìn thấy nó nữa.  **c. Luyện đọc từ ngữ**  - GV viết những từ ngữ sau: **áp sát, nhô lên, bám chặt, mất hút, ngớ ra, vụt đến, giấc mơ, cảm giác lâng lâng.** Giải nghĩa từ: *mất hút* (biến mất, không thấy đâu); *lâng lâng* (cảm thấy nhẹ nhõm, dễ chịu).  - GV cho HS đọc.  **d. Luyện đọc câu**  - GV: Bài có mấy câu?  - Đọc vỡ: GV chỉ chậm từng tiếng trong câu cho HS đọc thầm rồi đọc thành tiếng.  - Đọc tiếp nối từng câu.  - GV sửa lỗi phát âm cho HS.  **e. Thi đọc nối tiếp đoạn (2/2/3 câu)**  - Bài chia làm 3 đoạn (2/2/3).  - GV cho HS luyện đọc theo cặp, tổ.  - Thi đọc nối tiếp đoạn theo cặp, tổ.  - Cho HS đọc cả bài.  **g. Tìm hiểu bài đọc**  - GV đưa lên bảng sơ đồ tóm tắt truyện, nêu YC: Điền từ còn thiếu vào ý 2 và ý 3 để hoàn thành sơ đồ.  - GV chỉ từng ý.  - GV: Qua câu chuyện, em biết gì về cá măng nhỏ?  \* Cả lớp đọc lại 2 trang bài 61.. | - HS theo dõi.  - HS lắng nghe.  - HS theo dõi.    - HS đọc.  - HSTL: có 8 câu.  - HS đọc (CL đọc thầm - CN, cả lớp đọc thành tiếng).  - HS đọc tiếp nối cá nhân, theo cặp.    - HS tìm: bến, sên, bên, lên, tết.  - HS theo dõi.  - HS luyện đọc.  - Từng cặp, tổ lên thi đọc đoạn.  - 1 HS đọc cả bài.  - Cả lớp đọc đồng thanh.  - 1 HS đọc trước lớp từng ý của sơ đồ chưa hoàn chỉnh.  - HS làm bài (miệng), điền từ vào chỗ trống.  - HS làm bài trong VBT.  - 1 HS đọc kết quả. / Cả lớp đọc lại sơ đồ đã hoàn chỉnh.  - HS đọc.  - HSTL: Cá măng nhỏ rất thông minh, đã tự cứu mình thoát khỏi cá mập. / Cá măng nhỏ làm cho cá mập bị lừa, không rõ mình đã ăn thịt cá măng chưa. / Cá măng nhỏ rất thông minh, yêu mẹ.  \* Cả lớp nhìn SGK đọc. | SGK, PP |
| **5 phút** | **4. Củng cố** | - Hôm nay, chúng ta được học chữ gì?  - GV nhận xét tiết học.  - Dặn dò: Đọc lại bài Tập đọc và đọc trước bài sau. | - Vần âng, âc.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe và nhắc lại. |  |

**IV.RÚT KINH NGHIỆM SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………................…

| Trường: TH Thực hành Nguyễn Tất Thành | Thứ Năm ngày 19 tháng 12 năm 2024 |
| --- | --- |
| Lớp: 1A2 | Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt |
| Giáo viên: Cao Thị Ngọc Trâm | **Tập viết Bài 78, 79: ăng, ăc, âng, âc** |

**I. MỤC TIÊU**

***1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:***

- Viết đúng **ăng, ăc, âng, âc, măng, tắc kè, nhà tầng, quả gấc -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

***2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:***

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Chữ mẫu. Vở *Luyện viết 1,* tập một.

***2. Học sinh:*** Bảng con, phấn, khăn lau bảng. Vở *Luyện viết 1,* tập một.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| **Thời gian** | **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của HS** | **Đồ dùng** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 5 phút | **1/ Mở đầu** | - GV viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay các em sẽ tập viết các vần **ăng, ăc, âng, âc, măng, tắc kè, nhà tầng, quả gấc.** | - HS lắng nghe yêu cầu. |  |
| 20 phút | **2/ Khám phá** | **a. Đọc** các vần vần **ăng, ăc, âng, âc,** các từ **măng, tắc kè, nhà tầng, quả gấc.**  - GV treo bảng phụ các vần, tiếng.  - GV yêu cầu HS đọc.  **b. Tập viết: ăng, ăc, măng, tắc kè**  - Gọi HS đọc **ăng, ăc, măng, tắc kè.**  - Yêu cầu HS nói cách viết:  + Vần ăng: Gồm mấy con chữ?  - GV vừa viết mẫu: viết ă trước, nối liền viết tiếp ng.  + Tiếng măng: Nêu cách viết?  - GV viết mẫu vừa viết vừa nói: viết m trước ăng sau.  + Vần ăc: gồm những chữ nào?  - GV viết mẫu: viết ă trước, viết tiếp c.  + Từ tắc kè: Viết như nào?  - GV viết mẫu vừa viết vừa nói: viết tiếng tắc trước kè sau.  **c. Tập viết: âng, âc, nhà tầng, quả gấc**  - Gọi HS đọc.  - Yêu cầu HS nói cách viết:  + Vần âng: Gồm mấy con chữ? Có độ cao mấy li?  - GV vừa viết mẫu: viết â trước, nối liền viết tiếp ng.  + Từ nhà tầng: nêu cách viết?  - GV viết mẫu vừa viết vừa nói: viết nhà trước, cách 1 thân chữ o viết tầng sau.  + Vần âc: Những chữ nào?  - GV vừa viết mẫu: viết â trước, nối liền viết tiếp c.  + Từ quả gấc: nêu cách viết?  - GV viết mẫu vừa viết vừa nói: viết quả trước, gấc sau.  - Gv cho HS thực hành viết vào vở Luyện viết 1. | - HS quan sát.  - HS đọc.  - 2 HS đọc.  - HSTL: gồm 3 con chữ, viết con chữ ă trước con chữ ng sau.  - HS theo dõi.  + Viết chữ m trước vần ăng sau.  - HS theo dõi.  - HSTL: gồm 2 chữ, viết chữ ă trước chữ c sau.  - HS theo dõi.  - Viết tắc trước, kè sau.  - HS theo dõi.  - HS đọc.  - HSTL: gồm 3 con chữ, viết con chữ â trước ng sau.  - HS theo dõi.  + Viết chữ nhà trước tầng sau.  - HS theo dõi.  - HSTL: gồm 2 chữ, viết chữ â trước chữ c sau.  - HS theo dõi.  + Viết chữ quả trước vần gấc sau.  - HS theo dõi.  - HS tập viết trong vở Luyện viết. | SGK, PP |
| 8 phút | **3. Luyện tập** | - Cho HS lấy vở Luyện viết 1  - GV nêu nội dung bài viết.  - Cho cả lớp nhắc lại tư thế, cách cầm bút đúng, viết đúng.  - Cho HS tập tô, tập viết vào vở  - Nhận xét đánh giá bài viết cho HS.  - Dặn HS về nhà luyện tập thêm. | - HS lấy vở Luyện viết.  - HS nhắc lại.  - HS nhắc lại tư thế ngồi viết.  - Thực hành tô vở tập viết. | Vở luyện viết |
| 2 phút | **4. Củng cố, dặn dò** | - GV nhận xét tiết học, khen học sinh viết đẹp.  - Nhắc nhở HS luyện viết thêm ở nhà. | - HS lắng nghe. |  |

**IV.RÚT KINH NGHIỆM SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………................…………

| Trường: TH Thực hành Nguyễn Tất Thành | Thứ Sáu ngày 20 tháng 12 năm 2024 |
| --- | --- |
| Lớp: 1A2 | Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt |
| Giáo viên: Cao Thị Ngọc Trâm | **Bài 80: Kể chuyện: Hàng Xóm** |

**I. MỤC TIÊU**

*Sau khi học xong bài này, HS đạt được những yêu cầu sau:*

**1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:**

- Nghe hiểu và nhớ câu chuyện.

- Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi dưới tranh.

- Nhìn tranh, có thể tự kể từng đoạn của câu chuyện.

- Hiểu ý nghĩa của câu chuyện: Mỗi người đều có điểm mạnh riêng; không nên coi thường người khác.

**2. Góp phần phát triển các năng lực ch**

**ung và phẩm chất:**

- Biết vận dụng những lời khuyên của câu chuyện vào đời sống.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:***

- Máy chiếu, SGK

- Một mũ giấy hình chuột, 1 mũ giấy hình sư tử để HS kể chuyện phân vai.

***2. Học sinh:***

- Sách Tiếng Việt

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| **Thời gian** | **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của HS** | **Đồ dùng** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 5 phút | **1/ Khởi động** | **a. Quan sát và phỏng đoán**  - GV chỉ tranh, giới thiệu câu chuyện *Mây đen và mây trắng*. Mây đen là những đám mây thường thấy khi trời sắp mưa, khi sắp có dông, bão. Mây trắng là những đám mây thường thấy vào những ngày nắng ráo, đẹp trời. Mây đen xấu xí nhưng giúp ích cho con người.  Các em hãy xem tranh trong khoảng 1 phút, thử đoán xem chuyện gì đã xảy ra giữa mây đen và mây trắng.  **b. Giới thiệu chuyện**  - Câu chuyện Mây đen và mây trắng giúp các em hiểu một điều rất quan trọng khi đánh giá những người xung quanh. Điều đó là gì, các em hãy lắng nghe. | - HS nói điều mình đoán. (VD: Mây đen khóc. Nước mắt làm ra mưa. Mưa làm cây cỏ tươi tốt. Mây trắng xinh đẹp, bay nhởn nhơ).  - HS lắng nghe. |  |
| 10 phút | **2/ Khám phá** | ***a. Nghe kể chuyện***  - Kể câu chuyện: Hàng xóm.  - Chỉ vào tranh kể mẫu với giọng  diễn cảm.  - Kể mẫu 3 lần.  + Lần 1: Kể tự nhiên, không chỉ  Tranh.  + Lần 2 : Chỉ tranh và kể thật chậm  + Lần 3: Kể chậm khắc sâu nội  dung câu chuyện.  - Đoạn 1 (chồn mẹ bị ốm): nhấn giọng từ ngữ  “la khóc ầm ĩ”  - Đoạn 2,3,4,5 (sẻ biết tin, bay đến, rồi báo tin cho các bạn hàng xóm cùng đến): giọng nhanh, gấp gáp thể hiện sự nhiệt tình, sẵn lòng giúp đỡ mọi người.  - Đoạn 6 (chồn mẹ cảm động): giọng kể chậm, vui, ấm áp. | - HS lắng nghe.  + HS lắng nghe.  + HS lắng nghe và quan sát tranh.  + HS lắng nghe và quan sát tranh. | SGK, PP |
| **Nội dung câu chuyện:**  **Hàng xóm**  Chồn mẹ bị ốm. Hai chú chồn con la khóc ầm ĩ. Sẻ nghe tiếng kêu la lập tức bay đến nhà chồn. Rồi nó bay đến cửa sổ nhà voi, tíu tít gọi:  - Chồn mẹ bị ốm. Bác đến giúp cô ấy nhé!  Voi lập tức đến nhà chồn. Nhìn thấy hoa cỏ trong sân đã khô héo cả, voi liền dùng vòi hút nước dưới giếng tưới nước cho cây.  Sẻ lại bay đến nhà sóc, ríu rít kêu:  - Chồn mẹ bị ốm. Cô đến giúp cô ấy nhé!  Sóc lập tức đến nhà chồn. Nhìn thấy trên mặt bàn toàn bát đĩa bẩn, sóc liền đem rửa rồi lau bàn thật sạch sẽ.  Sẻ lại bay đến nhà chuột túi, ríu rít kêu:  - Chồn mẹ ốm rồi. Cô đến giúp cô ấy nhé!  Chuột túi chạy ngay đến nhà chồn. Thấy hai chú chuột con đang khóc, chuột túi liền cho chúng vào túi lửng của mình và dỗ:  - Đừng khóc nữa. Ta sẽ cho hai cháu đi chơi.  Chồn con nghe nói được đi chơi thì nín ngay. Chồn mẹ thấy vậy cảm động nói:  - Có các bạn giúp, tôi thấy khỏe hơn rất nhiều rồi. | | | |  |
| 5 phút |  | ***b. Trả lời câu hỏi theo tranh:***  - Mỗi HS trả lời câu hỏi theo 1 tranh  - GV chỉ tranh 1, hỏi: Chuyện gì xảy ra ở nhà Chồn?  - GV chỉ tranh 2: Vì sao Chim Sẻ biết chuyện đó?  - GV chỉ tranh 3: Sẻ đã báo tin cho ai? Bác ấy đã làm gì?  - GV chỉ tranh 4: Sẻ còn báo tin cho ai nữa? Cô ấy đã làm gì?  - GV chỉ tranh 5: Nhận được tin của Sẻ , chuột túi đã làm gì?  - GV chỉ tranh 6: Chồn mẹ nói gì trước sự giúp đỡ của mọi người?  - Mỗi HS trả lời liền các câu hỏi của cô theo 2 tranh.  - 1 HS trả lời cả 4 câu hỏi theo 4 tranh. | Tranh 1: Chồn mẹ bị ốm, hai chú chồn con khóc lớn.  Tranh 2: Chim sẻ nghe thấy tiếng khóc của chồn con nên bay đến cửa sổ nhà chồn và thấy chồn mẹ bị ốm.  Tranh 3: Sẻ báo tin cho bác voi. Bác ấy đã tưới nước cho vườn rau hộ nhà chồn.  Tranh 4: Sẻ báo cho cô sóc. Cô ấy đã dọn dẹp chén bát bẩn và lau bàn sạch sẽ cho nhà chồn.  Tranh 5: Nhận được tin của sẻ, chuột túi đã đến nhà và dỗ hai chú chồn con nín khóc.  Tranh 6: Chồn mẹ nói nhờ sự giúp đỡ của mọi người, chồn mẹ thấy khỏe hơn nhiều. |  |
| 10 phút | **3/ Luyện tập** | ***c. Kể chuyện theo tranh***  - Mỗi HS chỉ 2 tranh, tự kể chuyện.  - HS kể chuyện theo tranh bất kì (trò chơi Ô cửa sổ hoặc bốc thăm).  - HS tự kể toàn bộ câu chuyện theo 6 tranh.  - GV cùng HS bình chọn bạn kể chuyện to, rõ, kể hay, biết hướng đến người nghe khi kể. | - HS thực hiện.     - HS tham gia bình chọn cùng GV. | SGK, PP |
| 5 phút | **4/ Vận dụng** | **d. Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện**  - Câu chuyện giúp em hiểu ra điều gì?  - GV cùng cả lớp bình chọn bạn kể chuyện hay. | HS: Cần phải giúp đỡ những người xung quanh mình. |  |
| **5 phút** | **Củng cố** | **Hoạt động 3. Củng cố, dặn dò** | |  |
| - Tuyên dương những HS kể chuyện hay.  - Về nhà kể lại cho người thân nghe câu chuyện và ý nghĩa của câu chuyện.  - Xem trước tranh minh họa, chuẩn bị cho tiết kể chuyện sau*.* | - Lắng nghe. |  |

**IV.RÚT KINH NGHIỆM SAU TIẾT DẠY**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

| Trường: TH Thực hành Nguyễn Tất Thành | Thứ Sáu ngày 20 tháng 12 năm 2024 |
| --- | --- |
| Lớp: 1A2 | Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt |
| Giáo viên: Cao Thị Ngọc Trâm | **Bài 81: Ôn tập** |

**I. MỤC TIÊU**

*Sau khi học xong bài này, HS đạt được những yêu cầu sau:*

**1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:**

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Chuột út (2).*

- Nghe viết lại đúng chính tả 1 câu văn.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Khơi gợi tình yêu học tập.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:***

- Máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài tập.

- SGK, vở bài tập.

***2. Học sinh:***

- SGK Tiếng Việt – tập 1, vở bài tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| **Thời gian** | **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của HS** | **Đồ dùng** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 5 phút | **1/ Khởi động** | - GV chiếu Video bài hát.  - GV nêu mục đích và nội dung của tiết học. | - HS vận động và hát theo.  - HS lắng nghe. |  |
|  | **2/ Luyện tập** | ***Bài tập 1: Tập đọc***   1. **Giới thiệu bài**   - GV chỉ tranh, giới thiệu bài Kết bạn nó đến Tâm và Vân két bạn với nhau, kể chuyện cho nhau nghe.  **b. GV đọc mẫu.**  - GV đọc mẫu bài.  **c. Luyện đọc từ ngữ: hớn hở, nằm thu lu, luôn liếm chân, rất thân thiện, la lớn, ăn thịt.**  - GV giải nghĩa: nằm thu lu (từ gợi tả dáng co nhỏ người lại, thu tròn người lại thật nhỏ).  **d. Luyện đọc câu**  - GV: Bài có 7 câu.  - GV chỉ từng câu cho cả lớp đọc vỡ: đọc thầm rồi đọc thành tiếng (1 HS, cả lớp).  - HS đọc tiếp nối từng câu.  - GV hướng dẫn HS nghỉ hơi ở câu: Nó luôn liếm chân, liếm cổ / và nhìn con rất thân thiện.  **e. Thi đọc phân vai**  - GV (vai dẫn chuyện) cùng 2 HS giỏi (vai chuột út, chuột mẹ) đọc mẫu.  - Vài tốp thi đọc.  - GV khen những HS đọc đúng vai, đúng lượt lời, biểu cảm.  - Cuối cùng, 1 HS đọc cả bài.  - Cho HS đọc cả bài.  **g. Tìm hiểu bài đọc**  - GV cho cả lớp đọc.  - GV chỉ hình, hỏi: Con thú “hiền” chuột út gặp là mèo, chó hay gà trống?  - GV: Mèo là kẻ thù của nhà chuột.  - GV: Câu chuyện giúp em hiểu điều gì?  - GV: Câu chuyện khuyên các em: Đừng đánh giá người khác chỉ qua vẻ ngoài. | - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - HS đọc từ.  - HS đếm số câu.  - HS đọc thầm, đọc thành tiếng.  - HS đọc nối tiếp (CN, cặp)  - HS luyện đọc.  - HS theo dõi.  - HS luyện đọc: Từng tốp (3 HS) luyện đọc theo vai trước khi thi.  - Từng tốp lên thi đọc đoạn.  - 1 HS đọc cả bài.  - Cả lớp đọc đồng thanh.  - Cả lớp đọc lời chuột út kể về con thú hiền: "Con còn gặp ... rất thân thiện”.  - 1 HS: Đó là con mèo. / Cả lớp: Con mèo.  - Gà trống nom dữ tợn nhưng rất hiền. / Mèo nom rất hiền nhưng lại là kẻ thù của chuột. | SGK, PP |
| **Bài tập 3: Tập chép.**  - GV viết lên bảng câu văn cần chép: *Chuột kể về con thú nó gặp.*  - Cho HS viết vào vở / VBT.  - HS viết xong, tự soát lồi; đổi bài cho bạn để cùng sửa lỗi.  - GV chữa bài cho HS, nhận xét.- HS viết xong, tự soát lồi; đổi bài cho bạn để cùng sửa lỗi.  - GV chữa bài cho HS, nhận xét. | - HS theo dõi.  - Cả lớp đọc câu văn, chú ý từ nào mình dễ viết sai (VD: chuột, gặp).  - HS viết bài vào vở.  - HS viết xong, tự rà soát lỗi; đổi bài với bạn, sửa lỗi cho nhau. | SGK, VBT |
| **2 phút** | **Củng cố** | - GV nhận xét tiết học.  - YC học sinh xem trước bài sau | - Lắng nghe. |  |

**IV.RÚT KINH NGHIỆM SAU TIẾT DẠY**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………